

TỈNH ỦY THÁI NGUYÊN
BAN CHỈ ĐẠO VỀ PHÁT TRIỂN
KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI
SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Thái Nguyên, ngày 15 tháng 01 năm 2026

*
Số 10-KH/BCĐ

KẾ HOẠCH
kiểm tra, rà soát, đánh giá tình hình thực hiện
Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị năm 2026

Thực hiện Chương trình công tác năm 2026 của Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh (Ban Chỉ đạo tỉnh); Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (Nghị quyết số 57-NQ/TW); Kế hoạch hành động số 15-KH/TU, ngày 12/9/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Kế hoạch số 02-KH/TU, ngày 30/9/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Quyết định số 204-QĐ/TW, ngày 29/11/2024 của Ban Bí thư Trung ương Đảng phê duyệt Đề án Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng; Ban Chỉ đạo tỉnh ban hành Kế hoạch kiểm tra, rà soát, đánh giá tình hình thực tế tại cơ sở, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Nắm bắt tình hình, kết quả thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; làm rõ những chuyển biến về chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.
- Kịp thời phát hiện những tồn tại, khó khăn, bất cập trong quá trình triển khai thực hiện để có cơ sở đề xuất định hướng, giải pháp chỉ đạo phù hợp.
- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, nhất là người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo thể chế hóa, cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

2. Yêu cầu

- Việc kiểm tra, rà soát phải khách quan, không hình thức, đi vào trọng tâm, trọng điểm, đánh giá đúng thực tế tình hình, kết quả thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW tại các cơ quan, đơn vị, địa phương.
- Số liệu, dẫn chứng phải cụ thể, kiểm chứng được.

- Kết quả đánh giá cần thể hiện tinh thần tự phê bình và cầu thị, tránh báo cáo hình thức.

II. PHẠM VI, NỘI DUNG KIỂM TRA

1. Phạm vi kiểm tra

Đảng ủy các xã, phường; các sở, ban, ngành, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

2. Nội dung kiểm tra

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo và kết quả tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 57-NQ/TW; Kế hoạch số 15-KH/TU, ngày 12/9/2025; Kế hoạch 02-KH/TU, ngày 30/9/2025; Kế hoạch 02-KH/BCĐ, ngày 18/10/2025; Chương trình công tác số 05-CTr/BCĐ, ngày 22/5/2025.

- Đánh giá hiệu quả nguồn lực và cơ chế phối hợp trong quá trình triển khai thực hiện.

- Nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp chủ yếu trong thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW trên các lĩnh vực: Chính quyền số, xã hội số, kinh tế số. Ưu tiên đề xuất các giải pháp đột phá nhằm phát huy tiềm năng, thế mạnh của địa phương, đẩy mạnh mô hình hợp tác “3 nhà”.

- Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện, những đề xuất, kiến nghị với Ban Chỉ đạo về triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW.

- Kiểm tra việc thực hiện báo cáo các nhiệm vụ trên Hệ thống theo dõi tình hình thực hiện nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương (<https://theodoinq.dcs.vn>).

- Kiểm tra thực tế tại địa phương, cơ quan, đơn vị; các mô hình tiêu biểu, cách làm hay áp dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (nếu có).

III. THÀNH PHẦN, PHƯƠNG PHÁP, THỜI GIAN

1. Thành phần

a) Thành phần Đoàn kiểm tra

Thành lập Đoàn kiểm tra, gồm:

- Trưởng Đoàn là Đồng chí Nguyễn Thanh Bình, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Chỉ đạo.

- 01 Phó Trưởng Đoàn Thường trực là Lãnh đạo Văn phòng Tỉnh ủy.

- Thành viên Đoàn kiểm tra: Lãnh đạo, chuyên viên phòng Chuyển đổi số - Cơ yếu, Văn phòng Tỉnh ủy; đại diện Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính (triệu tập khi cần thiết).

b) Thành phần đơn vị được kiểm tra

Thủ trưởng, lãnh đạo các cơ quan chuyên môn, cán bộ được giao nhiệm vụ tham mưu về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Phương pháp, thời gian

- Kiểm tra thường xuyên: Trên môi trường số thông qua các nền tảng, ứng dụng dùng chung, hệ thống giám sát, đánh giá thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW... theo chỉ đạo của Trưởng Đoàn kiểm tra.

- Kiểm tra trực tiếp: Tại một số cơ quan, đơn vị, địa phương (Cơ quan Thường trực Ban chỉ đạo tỉnh sẽ có văn bản cụ thể gửi các cơ quan, đơn vị, địa phương được kiểm tra).

- Thời gian thực hiện: Trong năm 2026.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các đơn vị được kiểm tra

- Chuẩn bị báo cáo bằng văn bản theo đề cương gửi kèm.

- Cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung kiểm tra khi Đoàn kiểm tra yêu cầu.

- Bố trí đúng, đủ thành phần làm việc với Đoàn kiểm tra, báo cáo, giải trình về nội dung kiểm tra khi Đoàn kiểm tra yêu cầu.

- Bố trí địa điểm làm việc và các điểm khảo sát thực tế khi Đoàn kiểm tra yêu cầu.

2. Văn phòng Tỉnh ủy

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành Quyết định thành Đoàn kiểm tra.

- Là cơ quan Thường trực Đoàn kiểm tra có trách nhiệm đôn đốc, tổ chức thực hiện Kế hoạch này, tổng hợp tài liệu và chuẩn bị các điều kiện phục vụ Đoàn kiểm tra. Tổng hợp kết quả kiểm tra, báo cáo Ban Chỉ đạo.

Trên đây là Kế hoạch kiểm tra, rà soát đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW năm 2026, yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương nghiêm túc tổ chức thực hiện. Trong quá trình triển khai, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị phản hồi về Văn phòng Tỉnh ủy để tổng hợp, báo cáo Trưởng Đoàn kiểm tra chỉ đạo, giải quyết.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (*báo cáo*),
- Các đồng chí thành viên Ban Chỉ đạo,
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy,
- Các Đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy,
- HĐND tỉnh, UBND tỉnh,
- Ủy ban MTTQVN tỉnh,
- Các sở, ban, ngành của tỉnh,
- UBND các xã, phường,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

P.CĐS-CY/237

PHÓ BÍ THƯ

kiêm

**PHÓ TRƯỞNG BAN THƯỜNG TRỰC
BAN CHỈ ĐẠO**

Nguyễn Thanh Bình

PHỤ LỤC
ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO ĐOÀN KIỂM TRA RÀ SOÁT,
ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 57-NQ/TW,
NGÀY 22/12/2024 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
(Kèm theo Kế hoạch số 10-KH/BCĐ, ngày 15/01/2026 của Ban Chỉ đạo tỉnh)

I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO

- Các văn bản đã ban hành để lãnh đạo, chỉ đạo triển khai (ngày, tháng, năm ban hành Kế hoạch triển khai, các văn bản...).
- Các nội dung liên quan khác (nếu có).

II. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Về công tác chỉ đạo, điều hành

1.1 *Thống kê số cuộc họp/Piêñ họp*

1.2. *Thống kê các nhiệm vụ thực hiện (Nghị quyết số 57-NQ/TW; Kế hoạch số 15-KH/TU, ngày 12/9/2025; Kế hoạch 02-KH/TU, ngày 30/9/2025; Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW, ngày 19/6/2025; Kế hoạch 02-KH/BCĐ, ngày 18/10/2025; Chương trình công tác số 05-CTr/BCĐ, ngày 22/5/2025)*

- Số nhiệm vụ đã hoàn thành, tỷ lệ %, trong đó: số nhiệm vụ hoàn thành đúng hạn, số nhiệm vụ hoàn thành quá hạn.
- Số nhiệm vụ đang thực hiện đúng hạn, tỷ lệ %.
- Số nhiệm vụ quá hạn chưa hoàn thành, tỷ lệ %.

2. Về hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách

2.1. *Tình hình, kết quả thực hiện*

2.2. *Tồn tại, hạn chế*

2.3. *Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế*

3. Về chuyển đổi số

3.1. *Tình hình, kết quả thực hiện:*

- a) *Việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) và các dịch vụ, tiện ích:*
- b) *Việc ứng dụng chuyển đổi số phục vụ hoạt động của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 2 cấp: cập nhật tình hình triển khai các nền tảng, ứng dụng số tại địa phương.*
- c) *Chuyển đổi số theo Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW, ngày 19/6/2025; Kế hoạch số 02-KH/TU, ngày 30/9/2025 (về hạ tầng, dữ liệu số, an toàn thông tin...)*

3.2. Một số nhiệm vụ trọng tâm về thúc đẩy chuyển đổi số

3.3. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

a) Về cung cấp dịch vụ công trực tuyến:

b) Về hạ tầng, dữ liệu số, an toàn thông tin, ứng dụng chuyển đổi số phục vụ hoạt động của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 2 cấp

c) Nguyên nhân

- Về thể chế, quy định.

- Về hạ tầng số, nền tảng số, an toàn thông tin, an ninh mạng, về dữ liệu.

- Về nguồn nhân lực.

- Việc nguồn lực tài chính.

...

4. Về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

4.1. Tình hình, kết quả đạt được

4.2. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

5. Về bảo đảm kinh phí cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số

5.1. Tình hình giải ngân vốn cho phát triển KHCN, ĐMST, CDS

- Tổng kinh phí bố trí, tình hình giải ngân năm 2025 và tình hình thực tế tại thời điểm báo cáo.

- Việc đăng ký, đề xuất kinh phí với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện nhiệm vụ phát triển KHCN, ĐMST, CDS năm 2026.

5.2. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

III. PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU CỤ THỂ NĂM 2026

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM NĂM 2026

V. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC, ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

(nêu rõ nội dung kiến nghị, đề xuất đối với Ban Chỉ đạo)

PHỤ LỤC
DANH SÁCH CÁC NHIỆM VỤ CỤ THỂ ĐẾN THỜI ĐIỂM KIỂM TRA

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Thời gian yêu cầu hoàn thành	Kết quả thực hiện (có số liệu cụ thể)	Hoàn thành hay chưa hoàn thành	Nguyên nhân	Giải pháp	Ghi chú
A	Kế hoạch số 02-KH/TU, ngày 30/9/2025						
I	Về hạ tầng số						
1	Đầu tư trang bị đầu cuối cho người dùng trong các cơ quan đảng hiện đại, đồng bộ, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin	Năm 2025, Thường xuyên hàng năm					
...							
II	Về ứng dụng số						
1							
...							
III	Về dữ liệu số						
...							
B	Kế hoạch số 15-KH/TU, ngày 12/9/2025						
C							